



ISSN
1859-3968

TẠP CHÍ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
Tập 28, Số 3 (2022): 3 - 12

Email: tapchikhoahoc@hvu.edu.vn Website: www.hvu.edu.vn

JOURNAL OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
HUNG VUONG UNIVERSITY
Vol. 28, No. 3 (2022): 3 - 12

ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA CẤP TỈNH Ở VIỆT NAM QUA VÍ DỤ NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TỈNH PHÚ THỌ

Ngô Doãn Vịnh^{1*}, Nguyễn Thế Vinh², Phạm Ngọc Trụ², Lâm Thùy Dương²

¹Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

²Học viện Chính sách và Phát triển, Hà Nội

Ngày nhận bài: 06/9/2022; Ngày chỉnh sửa: 19/9/2022; Ngày duyệt đăng: 20/9/2022

Tóm tắt

Đánh giá hiệu quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là vấn đề chưa được nghiên cứu thỏa đáng từ lý luận đến thực tiễn ở Việt Nam. Năm 2020, GDP/người của Việt Nam mới được khoảng 2.779,0 USD; bội chi ngân sách luôn ở mức khoảng 4,0-4,5% GDP, nợ nước ngoài bằng khoảng 56,0% GDP [1]. Xét trường hợp tỉnh Phú Thọ, GRDP/người năm 2020 của tỉnh mới đạt 2.184,0 USD (đứng thứ 34 trong 63 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, bằng khoảng 76,0% so mức trung bình cả nước); thu ngân sách trên địa bàn mới bằng khoảng 60,0% tổng chi ngân sách của tỉnh; tích lũy đầu tư từ nội bộ nền kinh tế rất có hạn [2]. Do đó, thu hút vốn FDI để phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả hơn và bền vững hơn theo hướng hiện đại hóa có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với cả nước cũng như với tỉnh Phú Thọ. Nhưng thu hút FDI như thế nào để có hiệu quả, đạt được mục tiêu hiện đại hóa đất nước? Đó là những vấn đề cần được nghiên cứu làm sáng tỏ. Trước tình hình như vậy nhóm tác giả bài viết muốn trình bày một số vấn đề lý luận và thực tiễn (xét trường hợp nghiên cứu tỉnh Phú Thọ) để có thêm thông tin cho những ai quan tâm đến việc thu hút vốn FDI và đánh giá hiệu quả FDI tham khảo cùng suy ngẫm về vấn đề quan trọng đã nêu trên.

Từ khóa: Thu hút vốn FDI, đánh giá hiệu quả FDI, lý luận, thực tiễn.

1. Đặt vấn đề

Hiện nay, Việt Nam có 63 tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương. Tỉnh Phú Thọ là vùng đất Tổ, giàu tiềm năng, thế mạnh, có lợi thế so sánh hơn nhiều tỉnh xung quanh nhưng mới đứng thứ 3 sau Thái Nguyên và Bắc Giang ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Hàng năm tỉnh Phú Thọ vẫn phải nhận hỗ trợ ngân sách từ Trung ương khoảng 40% cho việc bổ sung chi thường xuyên và đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật then chốt. Do chưa phát triển, năng suất lao động và GRDP/người mới chỉ đạt

khoảng 75-76% so mức trung bình cả nước. Theo kinh nghiệm của tỉnh Thái Nguyên (thu hút 7,8 tỷ USD vốn FDI thực hiện, trong đó có công ty điện tử Samsung đầu tư trên 6 tỷ USD) đã tạo tiền đề để nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng đạt mức khoảng 20-22%/năm trong giai đoạn 2011-2020 [3]. Hoặc như tỉnh Bắc Giang thu hút được gần 4,5 tỷ USD FDI vốn thực hiện đã góp phần giúp nền kinh tế của tỉnh này tăng với tốc độ khoảng 16%/năm [4]. Để thịnh vượng và bứt tốc kinh tế nhất thiết phải thu hút được nhiều vốn FDI với những nhà đầu tư mang tầm chiến lược

*Email: ngothuyquynhapd@gmail.com

đến từ các nước phát triển hàng đầu trên thế giới. Song làm thế nào để biết những dự án FDI thu hút được có hiệu quả hay không? Làm thế nào để thu hút được nhiều vốn FDI với những nhà đầu tư có tiềm năng lớn về tài chính, công nghệ và thị trường cần được nghiên cứu thỏa đáng. Trước tình hình như vậy, nhóm nghiên cứu muốn trình bày một số vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn đánh giá hiệu quả thu hút vốn FDI nhằm bút tốc kinh tế.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Vấn đề lý luận về hiệu quả thu hút FDI và phương pháp nghiên cứu

2.1.1. Quan niệm về hiệu quả thu hút FDI

Như nhiều người đã biết, thu hút vốn FDI không chỉ để khóa lấp bớt sự thiếu hụt vốn đầu tư phát triển đất nước hay của một tỉnh, mà quan trọng hơn là để hiện đại hóa nền kinh tế (nâng cao trình độ công nghệ của nền kinh tế), tăng năng suất lao động, gia tăng độ mở kinh tế, tạo ra tiền đề để mở rộng giao thương kinh tế qua đó thu được nhiều lợi ích hơn cho nền kinh tế. Tức là, thu hút vốn đầu tư FDI có hiệu quả thì nền kinh tế cũng có hiệu quả và ngược lại. Hiệu quả thu hút FDI và hiệu quả phát triển kinh tế của một tỉnh có quan hệ tương tác với nhau. Chỉ có hiệu quả cho các dự án FDI mà không đem lại hiệu quả cho nền kinh tế thì thu hút vốn FDI như thế chưa đạt mục đích cần thiết. Khi đó cần có giải pháp để khu vực FDI mang lại hiệu quả cho cả nền kinh tế, như thế việc thu hút FDI mới đi đúng hướng, đáp ứng được yêu cầu mà cả nước và các địa phương kỳ vọng. Muốn biết thu hút FDI có hiệu quả hay không phải tiến hành phân tích, đánh giá các chỉ tiêu cần thiết.

2.1.2. Phương pháp đánh giá hiệu quả thu hút FDI

Để đánh giá hiệu quả thu hút FDI của một tỉnh, nhóm tác giả sử dụng chủ yếu phương pháp phân tích hệ số tương quan giữa các chỉ tiêu theo thời gian như hướng dẫn của cơ quan thống kê quốc gia đối với cấp tỉnh. Qua đó ứng dụng vào nghiên cứu vấn đề này cho tỉnh Phú Thọ.

Như đã nói ở trên việc đánh giá hiệu quả thu hút FDI phải tập trung vào hai phương diện: i). Hiệu quả của bản thân khu vực FDI và ii). Mức đóng góp của khu vực FDI cho nền kinh tế của cả tỉnh cũng như của cả nước. Theo đó, nhóm tác giả muốn trình bày rõ bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả FDI để ứng dụng vào điều kiện thực tiễn Việt Nam. Mỗi chỉ tiêu được tính bằng biểu thức như hướng dẫn thông thường của cơ quan thống kê của nước ta. Cụ thể như sau:

(1) Nhóm chỉ tiêu phản ánh hiệu quả của khu vực FDI. Bao gồm các chỉ tiêu chủ yếu:

(i). Năng suất lao động của khu vực FDI [5];

(ii). Kim ngạch xuất khẩu chiếm trong doanh thu của doanh nghiệp FDI;

(iii). Tỷ lệ lợi nhuận của khu vực FDI (Về nguyên tắc, các nhà đầu tư FDI đều theo đuổi lợi nhuận vì vậy ở đâu có khả năng đem lại cho họ nhiều lợi nhuận thì họ sẽ đến đó đầu tư. Chỉ tiêu này hiện chưa có thống kê riêng cho các doanh nghiệp FDI nên phải điều tra mẫu rồi tính rộng cho cả khu vực FDI).

(2) Nhóm chỉ tiêu phản ánh mức đóng góp của khu vực FDI cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hoặc của quốc gia. Cụ thể là:

(i). Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI vào tổng GRDP của tỉnh hay GDP của cả nước;

(ii). Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI vào tổng kim ngạch xuất khẩu;

(iii). Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI vào tổng thu ngân sách nhà nước;

(iv). Mức độ đóng góp của khu vực FDI vào giải quyết việc làm;

(v). Mức độ đóng góp của khu vực FDI vào hiện đại hóa nền kinh tế của tỉnh hay của cả nước.

2.2. Thực trạng thu hút vốn FDI của tỉnh Phú Thọ (tính theo lũy kế đến hết 31/12/2020)

2.2.1. Quy mô vốn FDI thu hút

Tính đến hết năm 2020, Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng

Tàu, Đồng Nai, Hải Phòng là 6 địa phương thu hút được nhiều FDI nhất cả nước (Quy mô vốn FDI đăng ký lũy kế của các tỉnh, thành phố này đều đạt trên 20 tỷ USD) [6]. Phú Thọ chưa thu hút được nhiều vốn FDI, quy mô FDI thực hiện mới chiếm khoảng 18,7% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, trong khi chỉ số này của cả nước khoảng 23%, của Thái Nguyên ở mức 30%, Bắc Giang ở mức 33,7%, của Vĩnh Phúc 43%. Riêng của Hà Nội mới được khoảng 11,2%. Điều đó cho thấy, Phú Thọ thu hút vốn FDI đang ở mức thấp so với một số địa phương xung quanh.

Bảng 1. Kết quả thu hút vốn FDI của một số tỉnh (tính lũy kế đến 31/12/2020)

Tỉnh	Vốn đăng ký (Triệu USD)	Vốn thực hiện			Bình quân đầu người (USD)
		Triệu USD	% so với tổng vốn đầu tư toàn xã hội*	Trung bình 1 dự án (Triệu USD)	
Phú Thọ	1.560,50	1.486,20	18,40	7,43	1.003,00
Thái Nguyên	8.415,40	7.806,00	28,10	36,80	5.968,00
Bắc Giang	6.065,50	4.476,10	31,80	8,80	2.431,00
Vĩnh Phúc	4.914,00	3.507,60	45,40	6,50	2.995,00
Hòa Bình	660,80	300,50	3,80	6,70	349,00
Hà Nội	36.472,00	23.487,00	10,90	3,70	2.663,00
Cả nước	485.064,30	231.452,90	21,40	6,30	2.374,00

Ghi chú: * Tính riêng năm 2020

Nguồn: Tổng hợp từ [1 - 4, 7, 8]

2.2.2. Cơ cấu thu hút vốn FDI theo ngành, lĩnh vực ở tỉnh Phú Thọ

Trong giai đoạn vừa qua, dòng FDI vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm ưu thế nổi trội ở tỉnh Phú Thọ. Đó là xu hướng tốt và có lợi cho tăng trưởng tiềm năng nhưng đang ở mức còn chưa nhiều nên sức lan tỏa cũng rất hạn chế đối với nền kinh tế của Phú Thọ.

Vốn FDI thu hút vào Phú Thọ chủ yếu đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc (chiếm

khoảng trên 90%). Lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng chủ yếu và trung bình vốn của 1 dự án cũng tương đối lớn nhưng lĩnh vực có công nghệ cao đang còn hạn chế. Lĩnh vực công nghiệp chế tạo sử dụng công nghệ cao mới được phát triển gần đây nhưng lĩnh vực công nghiệp chế tạo chưa nhiều nên nhân tố tạo ra tiềm năng tăng trưởng cũng chưa xuất hiện một cách cần thiết.

Bảng 2. Cơ cấu thu hút FDI vào Phú Thọ theo ngành, lĩnh vực và theo quốc gia (tính lũy kế đến 31/12/2020)

Ngành, lĩnh vực	Tổng vốn FDI đăng ký		
	Triệu USD	Tỷ trọng so tổng số, %	Bình quân 1 dự án (Triệu USD)
1. Theo ngành, lĩnh vực	1.474,800	100,000	-
1.1. Công nghiệp chế biến, chế tạo	1351,800	91,660	7,950
1.2. Hoạt động kinh doanh bất động sản	15,300	1,040	5,100
1.3. Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô xe máy và xe có động cơ khác	9,826	0,630	1,330
1.4. Cung cấp nước; hoạt động xử lý rác thải, nước thải	9,000	0,610	9,000
1.5. Nông, lâm nghiệp và thủy sản	5,200	0,350	2,600
1.6. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	2,800	0,190	1,400
1.7. Xây dựng	0,400	0,030	0,400
1.8. Khác	80,470	5,490	
2. Theo quốc gia, vùng lãnh thổ	1.474,800	100,000	
2.1. Hàn Quốc	1.133,200	76,840	7,920
2.2. Trung Quốc	196,400	13,320	9,860
2.3. Nhật Bản	43,600	2,950	5,450
2.4. Ấn Độ	28,500	1,930	28,500
2.5. Hồng Kông (Trung Quốc)	20,900	1,420	6,970
2.6. Các quốc gia khác	52,200	3,540	4,750

Nguồn: [2]

2.2.3. Cơ cấu vốn FDI thu hút vào Việt Nam đặt ra nhiều vấn đề cần suy ngẫm đối với các tỉnh

Vốn FDI thu hút vào Việt Nam lũy kế đến 31/12/2020 cho thấy nhiều vấn đề cần suy tính sao cho đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa

đất nước. Vốn FDI đến từ các quốc gia phát triển hàng đầu thế giới chỉ chiếm khoảng 38,0 - 39,0% tổng vốn đăng ký. Vốn FDI đến từ ASEAN chiếm khoảng 20,8% và vốn FDI đến từ Trung Quốc và Đài Loan (Trung Quốc) chiếm khoảng 14,4%. Như thế có nghĩa là

Bảng 3. Thu hút FDI của một số quốc gia và vùng lãnh thổ vào Việt Nam (lũy kế đến 31/12/2020)

(Đơn vị: Triệu USD)

Quốc gia và vùng lãnh thổ	Số dự án	Vốn đăng ký	
		Triệu USD	%
Tổng số	33.062,0	386.233,5	100,0
Hàn Quốc	8.950,0	70.442,3	18,2
Nhật Bản	4.641,0	60.577,1	15,7
Singapore	2.630,0	56.856,3	14,7
Đài Loan	2.789,0	35.742,0	9,6
Trung Quốc	3.134,0	18.633,0	4,8
Hoa Kỳ	1.082,0	9.420,1	2,4
Anh	408,0	3.866,8	1,0
Pháp	616,0	3.611,0	0,9
Đức	380,0	2.273,7	0,6
ASEAN (không kể Singapore)	1.427,0	25.535,8	6,1
Các quốc gia khác	7.005,0	99.275,4	26,0

Nguồn: [6]

công nghệ đến từ các quốc gia không nắm công nghệ hàng đầu có tới khoảng 60,0%. Thực tế đây là vấn đề lớn cần suy ngẫm. Nhóm tác giả bài viết mong muốn Việt Nam cũng như các tỉnh nên có chủ trương thu hút FDI trong bối cảnh mới gắn với thu hút công nghệ cao để hiện đại hóa đất nước.

2.2.4. Đóng góp của khu vực FDI cho nền kinh tế của một số tỉnh

Đối với Việt Nam, tính theo lũy kế đến 31/12/2020 đã thu hút 386,20 tỷ USD với 33.062 dự án còn hiệu lực (với số vốn thực hiện khoảng 231,51 tỷ USD, chiếm khoảng 64,50% vốn đăng ký). Khu vực FDI chiếm khoảng 21,0-23,0% vốn đầu tư xã hội, đóng góp khoảng 70% kim ngạch xuất khẩu; tạo ra việc làm trực tiếp cho 3,5 triệu lao động và việc làm gián tiếp cho khoảng 5 triệu người.

Tính riêng giai đoạn 2016-2020, trong khi khu vực FDI của cả nước đóng góp được khoảng 27% vào tăng trưởng kinh tế; của các tỉnh Thái Nguyên được 30,9%, của Bắc Giang được khoảng 59%, của Vĩnh Phúc được khoảng 38,9% thì của tỉnh Phú Thọ chỉ được 12,4%. Đồng thời, tỷ lệ đóng góp của

khu vực FDI cho kim ngạch xuất khẩu thì có bức tranh khác hẳn. Trong khi khu vực FDI của Phú Thọ đóng góp vào xuất khẩu được 95,9% thì của cả nước được khoảng 63,7%, của Thái Nguyên được 97,5%, của Bắc Giang được 97,2% và của Vĩnh Phúc được khoảng 94,3% [2 - 4, 8]. Điều đó nói nên một điều quan trọng rằng, muốn gia tăng kim ngạch xuất khẩu và gia tăng độ mở kinh tế các tỉnh phải tăng cường thu hút vốn FDI nhiều hơn nữa và làm như vậy mới đóng góp gia tăng độ mở cho nền kinh tế cả nước.

Thành phố Hà Nội là bài học có thể tham khảo có ích cho tỉnh Phú Thọ. Mặc dù Hà Nội thu hút được khoảng 34 tỷ USD vốn đăng ký (vốn thực hiện khoảng 22 tỷ) nhưng khu vực FDI chỉ đóng góp được 16-17% GRDP, đóng góp khoảng 41% kim ngạch xuất khẩu [7]. Tại sao như vậy? Thực tế cho thấy Hà Nội chỉ thu hút được những dự án FDI có quy mô vốn nhỏ, công nghệ không phải ở nhóm hàng đầu (nên trong khi giá trị xuất khẩu của Hà Nội chỉ được 15 tỷ USD, nhưng của Thái Nguyên đạt khoảng 27,6 tỷ USD, còn của Bắc Giang đạt 7,4 tỷ USD).

Bảng 4. Tổng hợp đóng góp của FDI đối với phát triển kinh tế giai đoạn 2015-2020 của một số địa phương

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2020	Chênh lệch 2020 so với 2015
Cả nước				
1. GDP, giá hiện hành	Tỷ đồng	4.192.862,0	6.293.145,0	2.100.283,0
GDP Khu vực FDI	Tỷ đồng	757.550,0	1.266.857,0	509.307,0
Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI	%	18,1	20,1	24,2
2. Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	162.016,0	282.629,0	120.613,0
Riêng khu vực FDI	Triệu USD	114.380,0	204.432,0	90.052,0
% so tổng kim ngạch xuất khẩu	%	70,6	72,3	74,7
3. Tổng FDI lũy kế đến hết 2020*	Triệu USD	281.882,5	386.233,5	
Thành phố Hà Nội				
1. GDP, giá hiện hành	Tỷ đồng	672.949,0	1.020.000,0	347.051,0
GRDP Khu vực FDI	Tỷ đồng	111.037,0	169.320,0	58.283,0
Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI	%	16,5	16,6	16,8
2. Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	10.475,0	15.159,0	4.684,0
Riêng khu vực FDI	Triệu USD	5.221,0	6.141,0	920,0
% so tổng kim ngạch xuất khẩu	%	49,8	40,5	19,6
3. Tổng FDI lũy kế đến hết 2020*	Triệu USD	25.491,0	36.472,0	

Bảng 4 (tiếp)

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2020	Chênh lệch 2020 so với 2015
Tỉnh Phú Thọ				
1. GRDP	Tỷ đồng	43.146,0	75.278,0	32.132,0
GRDP Khu vực FDI	Tỷ đồng	4.143,0	10.108,0	5.965,0
Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI	%	9,6	13,4	18,6
2. Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	963,0	4.698,0	3.735,0
Riêng khu vực FDI	Triệu USD	911,4	4.510,0	3.599,0
% so tổng kim ngạch xuất khẩu	%	94,6	96,0	96,3
3. Tổng FDI lũy kế đến hết 2020*	Triệu USD	632,8	1.474,8	842,0
Tỉnh Thái Nguyên				
1. GRDP	Tỷ đồng	48.011,0	116.008,0	67.997,0
GRDP Khu vực FDI	Tỷ đồng	19.291,0	40365,0	21.074,0
Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI	%	40,2	34,8	31,0
2. Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	15.951,0	24.457,0	8.506,0
Riêng khu vực FDI	Triệu USD	15.672,0	24.006,0	8.334,0
% so tổng kim ngạch xuất khẩu	%	98,3	98,2	98,0
3. Tổng FDI lũy kế đến hết 2020*	Triệu USD	7.116,5	8.277,9	
Tỉnh Bắc Giang				
1. GRDP	Tỷ đồng	60.295,0	120.974,0	60.679,0
GRDP Khu vực FDI	Tỷ đồng	8.079,0	41.132,0	33.053,0
Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI	%	13,4	34,0	54,5
2. Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	2.460,0	10.789,0	8.329,0
Riêng khu vực FDI	Triệu USD	2.400,0	10.500,0	8.100,0
% so tổng kim ngạch xuất khẩu	%	97,6	97,3	97,3
3. Tổng FDI lũy kế đến hết 2020*	Triệu USD	2.459,0	6.065,5	
Tỉnh Vĩnh Phúc				
1. GRDP	Tỷ đồng	78.644,0	123.575,0	44.931,0
GRDP Khu vực FDI	Tỷ đồng	22.808,0	40.598,0	17.790,0
Tỷ lệ đóng góp của khu vực FDI	%	29,0	32,9	39,6
2. Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	1.593,4	5.075,0	3.482,0
Riêng khu vực FDI	Triệu USD	1.500,0	4.796,0	3.296,0
% so tổng kim ngạch xuất khẩu	%	94,1	94,5	94,7
3. Tổng FDI lũy kế đến hết 2020*	Triệu USD	3.782,0	6.127,0	

Nguồn: [8] và số liệu thống kê của các tỉnh [2-6]

Ghi chú: * Vốn đăng ký các dự án còn hiệu lực

Nhóm tác giả đưa ra một số nhận định chính để minh chứng cho tác dụng khi phân tích hiệu quả thu hút FDI. Cụ thể là:

a). Vốn FDI chiếm khoảng 21-23% tổng vốn đầu tư toàn xã hội của Việt Nam và tỷ lệ này còn cao hơn ở các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc. Điều đó cho thấy, khu vực FDI đóng góp khá lớn cho việc khóa lấp bớt

sự thiếu hụt nguồn vốn để đầu tư phát triển của quốc gia cũng như của các địa phương. Song ở đây chúng tôi muốn nói tới vấn đề “chất lượng” nguồn vốn đầu tư. Vốn FDI đến từ các nước phát triển hàng đầu thế giới sẽ đem đến Việt Nam cùng các công nghệ tiên tiến và đem đến khả năng tham gia của Việt Nam vào các chuỗi giá trị toàn cầu cũng như gia tăng khả năng tham gia vào chuỗi cung

ứng toàn cầu, mở rộng thị trường cũng như tăng cường kinh nghiệm quản trị.

b). Đối với tỉnh Phú Thọ, khu vực FDI mới chiếm khoảng 13,4% GRDP và đóng góp khoảng 18,6% vào gia tăng quy mô kinh tế của tỉnh. Đây là mức thấp nhất so các tỉnh được xem xét. Trong khi các chỉ tiêu tương ứng của Thái Nguyên là 34,0% và 31,0%, của Bắc Giang là 34,0% và 54,5%, của Vĩnh Phúc là 32,9% và 39,6% và thấp hơn cả mức trung bình cả nước là 20,1% và 24,2% (cụ thể xem Bảng 4).

c). Đóng góp của khu vực FDI vào tăng năng suất lao động của Phú Thọ cũng ở mức hạn chế hơn so các tỉnh Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc cũng như so với mức trung bình cả nước. Trong khi khu vực FDI của Phú Thọ đóng góp vào năng suất lao động xã hội của tỉnh được khoảng 6,64% thì của Thái Nguyên được khoảng 30,40% và của

Bắc Giang được khoảng 38,90%. Nguyên nhân thì có nhiều nhưng phải kể tới nhóm công nghiệp chế biến, chế tạo vào làm ăn ở Phú Thọ chưa nhiều và chưa lớn, theo đó giá trị tạo ra cho nền kinh tế cũng không lớn như mong muốn. Đây là điều cần tính tới khi tiến hành thu hút các dự án FDI trong thời gian tới. Trong bối cảnh mới khi mà Internet kết nối vạn vật, dữ liệu lớn mang lại nhiều lợi ích cho việc khai thác thông tin hữu ích cho việc tham khảo, xu thế mạnh mẽ của chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xây dựng chính phủ số; các hoạt động trên tất cả các lĩnh vực đều dựa trên nền tảng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo và tự động hóa... chi phối các quyết sách phát triển. Năng suất lao động trở thành yếu tố quan trọng bao trùm, quyết định khả năng cạnh tranh và sức chống chịu với các biến cố từ bên ngoài thì việc tiếp tục thu hút FDI càng cần phải tính toán kỹ.

Bảng 5. GRDP và đóng góp của khu vực FDI cho năng suất lao động của một số tỉnh, năm 2020

Chỉ tiêu	Đơn vị	Phú Thọ	Thái Nguyên	Bắc Giang
1. GRDP của tỉnh (giá 2010)	Tỷ đồng	41.956,00	78.549,00	80.037,00
- GRDP của khu vực có vốn FDI	Tỷ đồng	5.976,00	31.880,00	40.020,00
- Phần còn lại do kinh tế trong nước	Tỷ đồng	35.980,00	46.669,00	40.017,00
2. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc	Người	842.700,00	757.957,00	1.095.164,00
- Lao động trong khu vực FDI	Người	69.000,00	111.000,00	195.380,00
- Phần còn trong khu vực kinh tế trong nước	Người	773.700,00	646.957,00	899.784,00
3. Năng suất lao động toàn tỉnh; A	Triệu đồng/người	49,80	103,60	73,10
- Năng suất lao động khu vực FDI	Triệu đồng/người	86,60	287,20	204,80
- Năng suất lao động khu vực kinh tế trong nước; B	Triệu đồng/người	46,50	72,10	44,50
4. Tỷ trọng đóng góp của khu vực FDI cho gia tăng năng suất lao động của tỉnh ($= [(A-B):A] \times 100$)	%	7,10	43,70	64,30
5. Năng suất lao động của khu vực FDI so khu vực trong nước	Lần	1,86	3,98	4,61

Nguồn: Nhóm tác giả xử lý theo số liệu thống kê của các tỉnh.

2.3. Bối cảnh và áp lực thu hút FDI của tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2021-2030

2.3.1. Nhu cầu vốn lớn từ mục tiêu phát triển của tỉnh Phú Thọ

Tỉnh Phú Thọ để đạt GRDP/người bằng mức trung bình của cả nước vào năm 2030 thì tốc độ

tăng GRDP trong giai đoạn 2021-2030 phải đạt khoảng 10-11%/năm. Khi đó 10 năm tới sẽ cần tới tổng vốn đầu tư xã hội khoảng 800 nghìn tỷ đồng (theo giá hiện hành, tương đương khoảng hơn 31-33 tỷ USD). Vì vậy, nhu cầu vốn đầu tư của tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn tới là rất lớn và để đạt mức thu hút vốn FDI bình quân

680-700 triệu USD/năm (Với giả định tỷ lệ vốn FDI sẽ chiếm 22% tổng vốn đầu tư toàn xã hội hàng năm của tỉnh trong giai đoạn 2021-2030) thì tỉnh cần có sự bứt phá ngoạn mục trong thu hút FDI.

2.3.2. Thách thức trước các địa phương xung quanh

a). Đối với Thành phố Hà Nội: Giá thuê mặt bằng và lao động cao hơn so với tỉnh Phú Thọ.

b). Đối với các tỉnh Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Bắc Giang và Thái Nguyên: Phú Thọ chịu áp lực cạnh tranh không quá lớn do chi phí sản xuất tại chỗ ở Phú Thọ có một số lợi thế:

Thứ nhất, quỹ đất dành cho phát triển công nghiệp, dịch vụ và đô thị ở tỉnh Phú Thọ còn khá lớn, có giá đền bù tương đối rẻ, ít bị tranh chấp với đất trồng lúa; nhân lực tốt và dồi dào; có nhiều yếu tố hấp dẫn để

các nhà đầu tư tới (thực phẩm, cảnh quan, di sản và di tích, có thể đi các nơi rất thuận tiện, gần Hà Nội, dễ dàng ra cảng biển và sân bay quốc tế,...).

Thứ hai, chi phí tiền công lao động và chi phí vận chuyển hàng hóa ra cảng biển hay ra sân bay cũng không lớn hơn so với các tỉnh đang là địa phương cạnh tranh như các tỉnh Hòa Bình, Thái Nguyên, Bắc Giang, Vĩnh Phúc đều không đáng kể. Vì thế nếu Phú Thọ có giải pháp hấp dẫn thì có thể thu hút được các nhà đầu tư FDI quy mô lớn, có công nghệ cao. Đây là điều đáng suy nghĩ để chớp thời cơ thu hút các nhà đầu tư đến từ các quốc gia phát triển để thu hút các dự án thuộc các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh như chế tạo con chip, linh kiện điện tử máy tính, thiết bị quang học, thiết bị y tế, cơ khí chính xác, chế tạo máy móc phục vụ nông lâm nghiệp.

Bảng 6. Một số chỉ tiêu của các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương

Chỉ tiêu	Hà Nội	Phú Thọ	Thái Nguyên	Bắc Giang	Vĩnh Phúc
1. Diện tích đất nông nghiệp, 1.000 ha (1)	156,4	118,3	110,6	146,6	54,3
2. Giá thuê đất bình quân trong KCN (nghìn đồng/m ² /chu kỳ) *	2.000-3.000	380-420	1.400-1.600	800-1.600	800-1.200
3. Tiền công lao động (nghìn đồng/tháng)**	8.207	5.518	6.207	6.638	6.623
4. Giá đền bù đất lấy cho KCN (triệu đồng/ha) (2)	8.000-13.000***	1.400-1.800	2.500-3.200****	1.800-2.100	1.900-2.100

Nguồn 1: [1]; Nguồn 2: Khảo sát tại các địa phương, năm 2019

Ghi chú: * Giá cho giai đoạn 2021-2025 đã được UBND/HĐND các địa phương ấn định;

** Theo Báo cáo Điều tra Lao động - Việc làm toàn quốc năm 2019;

*** Chi phí giải phóng mặt bằng của Hà Nội do quy định về kinh phí hỗ trợ chuyển đổi việc làm do Thành phố Hà Nội quy định cao hơn (gấp 5,0 lần giá đền bù đất) so với các địa phương khác (chỉ gấp khoảng 3,5 lần);

**** Xét giá tại các huyện, thị xã gần Hà Nội, có thể cạnh tranh với Phú Thọ.

Thứ ba, tỉnh Phú Thọ đã và đang đẩy mạnh cải cách hành chính và môi trường đầu tư tương tự như các tỉnh xung quanh. Xây dựng chính quyền thân thiện và đồng hành cùng nhà đầu tư là quyết sách sống còn để thu hút được nhiều nhà đầu tư mang ý nghĩa

chiến lược. Thực hiện chủ trương cải cách hành chính tổng thể giai đoạn 2021-2030 của Chính phủ, các tỉnh đều đã có chương trình đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo dựng môi trường đầu tư có lợi cho đầu tư nên địa phương nào cam kết đồng hành cùng các nhà

đầu tư, giúp đỡ tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện để nhà đầu tư kinh doanh có lợi nhuận cao (đây là bản chất của nhà đầu tư - ở đâu mang lại lợi nhuận cao thì họ tới đó đầu tư). Vì thế nâng cao năng lực quản lý và điều hành trong lĩnh vực thu hút đầu tư FDI là vấn đề then chốt và mang tính quyết định. Đối ngũ giao tiếp với nhà đầu tư, việc hỗ trợ các nhà đầu tư đào tạo nhân lực quản lý bậc cao và bậc trung có ý nghĩa quan trọng hơn cả và trước nhất. Tỉnh nào không làm được những việc như thế sẽ bị tụt lại trong việc thu hút các nhà đầu tư FDI tầm cỡ. Do vậy, nếu có biện pháp và cam kết đồng hành với nhà đầu tư FDI thì tỉnh Phú Thọ có triển vọng thu hút được các dự án FDI quy mô lớn, công nghệ cao.

Tuy vậy, tỉnh Phú Thọ cũng gặp những thách thức nhất định trong thu hút FDI giai đoạn tới khi các tỉnh xung quanh vẫn quyết tâm thu hút vốn FDI (Trong giai đoạn 2021-2025, Thủ đô Hà Nội dự kiến thu hút 7-9 tỷ USD, Thái Nguyên dự kiến thu hút 5-6 tỷ USD, Bắc Giang dự kiến thu hút 4 tỷ USD, Vĩnh Phúc dự kiến thu hút 2-2,5 tỷ USD) đồng thời không ngừng cải thiện môi trường kinh doanh (thể hiện qua việc chỉ số PCI của các tỉnh Trung du và miền núi phía Bắc đều

có tiến bộ giai đoạn gần đây) nhằm thu hút hơn nữa dòng đầu tư trong nước và FDI.

2.4. Định hướng thu hút vốn FDI trong thời gian tới cho tỉnh Phú Thọ

Từ những phân tích đã trình bày ở phần trên, nhóm tác giả đưa ra một số gợi ý về vấn đề thu hút vốn FDI đối với tỉnh Phú Thọ.

2.4.1. Định hướng chung

Tổng quy mô cần thu hút khoảng 7,0 tỷ USD trong 10 năm 2021-2030 (trong đó 2,8 tỷ trong giai đoạn 2021-2025 và 4,2 tỷ USD trong 5 năm 2026-2030 và để vốn FDI chiếm khoảng 22% tổng vốn đầu tư xã hội). Như vậy trong 10 năm tới mỗi năm cần thu hút khoảng 700 triệu USD. Cơ cấu vốn FDI nên và cần thu hút là: Lĩnh vực chế tạo điện tử (con chip, thiết bị quang học, thiết bị cơ khí chính xác, sản phẩm cơ khí chế tạo chiếm khoảng trên 70%).

2.4.2. Định hướng ưu tiên

Muốn bứt phá phải thu hút FDI với định hướng ưu tiên các nhà đầu tư FDI lớn ở các lĩnh vực: Sản xuất con chip, linh kiện, phụ kiện quang học, điện tử, máy tính, sản xuất thiết bị y tế, cơ khí chính xác,... Đồng thời, ưu tiên công nghiệp chế biến nông lâm sản.

Bảng 7. Dự báo thu hút các nhà đầu tư FDI có ý nghĩa chiến lược nên được thu hút vào tỉnh Phú Thọ trong giai đoạn 2021-2030

Số TT	Lĩnh vực thu hút FDI vào tỉnh Phú Thọ theo thứ tự ưu tiên	Các nhà đầu tư chiến lược đến từ các nước và khu vực phát triển
1	Công nghiệp điện tử: sản xuất con chip, thiết bị máy tính, thiết bị viễn thông, thiết bị y tế	Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc, EU, Nga, Israel, Cu-ba, Đài Loan (Trung Quốc)
2	Chế tạo máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp	Nhật Bản, Nga, Đức
3	Sản xuất vật liệu mới	Nhật Bản, EU, Nga
4	Chế biến nông sản, gỗ nhân tạo	EU, Nhật Bản
5	Chế tạo thiết bị dạy học, thư viện	Nhật Bản, EU
6	Sản xuất sản phẩm công nghiệp văn hóa	Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ

Nguồn: Nhóm tác giả

Ưu tiên các nhà đầu tư FDI đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, các quốc gia EU thuộc Hiệp định EVFTA; CPTPP và các nhà đầu tư đến từ Đài Loan (Trung Quốc). Không nên thu hút các nhà đầu tư FDI chỉ có công nghệ trung bình tiên tiến và không đứng ở vị trí xứng đáng trong chuỗi giá trị toàn cầu và trong các chuỗi cung ứng toàn cầu.

3. Kết luận

Đánh giá hiệu quả thu hút FDI là vấn đề rất cần được làm rõ cả về mặt lý luận và thực tiễn. Đây là vấn đề cần được nghiên cứu cẩn thận, thỏa đáng. Khi tường minh về lý luận mới đi đến lý giải thực tiễn một cách sinh động, cụ thể để đem lại những giá trị thiết thực đáp ứng yêu cầu thu hút vốn FDI trong những năm tới để hiện đại hóa đất nước, nâng cao năng suất lao động và nâng cao mức sống người dân. Từ đó góp phần quan trọng để Việt Nam trở thành quốc gia phát triển và có thu nhập cao vào năm 2045. Qua phân tích định lượng hiệu quả của cả nước cũng như một số tỉnh (đặc biệt là tỉnh Phú Thọ), nhóm chỉ tiêu mà nhóm tác giả bài viết trình bày có tính khả thi và rất hữu ích cho việc đánh giá hiệu quả thu hút FDI ở Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Tổng cục Thống kê (2019, 2020). Niên giám thống kê Việt Nam.
- [2] Cục Thống kê tỉnh Phú Thọ (2021). Niên giám thống kê tỉnh Phú Thọ 2020. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- [3] Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên (2021). Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên 2020. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- [4] Cục Thống kê tỉnh Bắc Giang (2021). Niên giám thống kê tỉnh Bắc Giang 2020. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- [5] Lâm Thùy Dương (2021). Hiệu quả kinh tế của đầu tư trực tiếp nước ngoài: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn. NXB Thống kê.
- [6] Cục Đầu tư nước ngoài (Bộ Kế hoạch và Đầu tư) (2020). Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài năm 2020. Truy cập ngày 20/6/2022. từ < <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/457641e2-2605-4632-bbd8-39ee65454a06/NewsID/a590e4ad-2ba7-48d7-af1e-7b613542fea3>>.
- [7] Cục Thống kê Thành phố Hà Nội (2021). Niên giám thống kê Thành phố Hà Nội 2020. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- [8] Cục Thống kê tỉnh Vĩnh Phúc (2021). Niên giám thống kê tỉnh Vĩnh Phúc 2020. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

ASSESSMENT OF THE EFFICIENCY OF FOREIGN DIRECT INVESTMENT AT THE PROVINCE IN VIETNAM THROUGH THE CASE STUDY EXAMPLE OF THE PHU THO PROVINCE

Ngô Doan Vinh¹, Nguyen The Vinh², Pham Ngoc Tru², Lam Thuy Duong²

¹Hung Vuong University, Phu Tho

²Academy of Policy and Development, Ha Noi.

Abstract

The effectiveness of attracting foreign direct investment (FDI) has not been adequately studied from theory to practice in Vietnam. In 2020, Vietnam's GDP per capita was 2,779 USD; the budget deficit was always around 4 - 4.5% of GDP, foreign debt was about 56% of GDP. In the case of Phu Tho province, GRDP per capita in 2020 was only 2,184 USD (ranking 34th out of 63 provinces and cities, equal to about 76% of the national average); the budget revenue is only about 60% of the province's total budget expenditure. Accumulated investment capital from within the economy is very limited. Therefore, attracting FDI is going to be faster, more efficient and sustainable economic development towards modernization. This is very important for the whole country as well as for Phu Tho province. However, the most crucial issue is how to attract FDI effectively and achieve the goal of national modernization? This article aims to present some important theoretical and practical issues in attracting FDI and assessing the effectiveness of FDI.

Keywords: *Attracting FDI, evaluating FDI efficiency, theory, practice*